

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-ĐHKT ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: QUẢN TRỊ KINH DOANH
Mã ngành	: 52 34 01 01
Tên ngành (Tiếng Anh)	: BUSINESS ADMINISTRATION
Tên chuyên ngành	: QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: SUPPLY CHAIN MANAGEMENT
Mã chuyên ngành	: 52 34 01 01 03
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Chương trình đào tạo đại trà

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành quản trị chuỗi cung ứng có năng lực về chuyên môn về quản trị kinh doanh, và chuyên sâu vào chức năng quản lý chuỗi cung ứng.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

1.2.1. Kiến thức

Kiến thức cơ bản

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CDR1	Nắm vững các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính
2	CDR2	Hiểu biết những kiến thức cơ bản về toán được ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh
3	CDR3	Nắm vững kiến thức về tổ chức, cơ cấu tổ chức, những chức năng chính và các yếu tố môi trường kinh doanh của tổ chức.

Kiến thức nghề nghiệp

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức nghề nghiệp
4	CDR4	Thông hiểu về các loại và việc xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp
5	CDR5	Nắm bắt các quyết định cơ bản trong hoạt động quản trị ở các lĩnh vực chức năng của doanh nghiệp
6	CDR6	Thông hiểu các hoạt động cơ bản về quản lý toàn bộ chuỗi cung ứng
7	CDR7	Thông hiểu về các quyết định quản trị về các hoạt động cụ thể trên chuỗi cung ứng: mua sắm, logistics, phân phối, xuất nhập khẩu.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cơ bản

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CDR8	Kỹ năng tự chủ, độc lập, sáng tạo giải quyết vấn đề
1	CDR9	Kỹ năng truyền thông, giao tiếp bằng lời nói, thuyết trình, qua văn bản và giao dịch với các công cụ truyền thông (điện thoại, e-mail)
2	CDR10	Kỹ năng làm việc theo nhóm
3	CDR11	Có thể giao tiếp kinh doanh bằng tiếng Anh đạt từ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) trở lên
4	CDR12	Sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (đạt chuẩn tin học văn phòng và chuyên ngành)

Kỹ năng nghề nghiệp

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CDR13	Kỹ năng thực hiện các chức năng của nhà quản trị về Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo, Đánh giá và Kiểm soát
5	CDR14	Kỹ năng tư duy hệ thống, kỹ năng quản lý thông tin và sử dụng mô hình toán, kĩ năng điều hành tác nghiệp và làm việc trong môi trường toàn cầu.

1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tiêu chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CDR15	Tuân thủ quy định pháp luật, chuẩn mực chung của xã hội và nghề nghiệp Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội
2	CDR16	Có thái độ tích cực, đổi mới
3	CDR17	Có đạo đức nghề nghiệp, biết cân nhắc và ra quyết định trên nền tảng lợi ích chung của các bên hữu quan.

1.3. Cơ hội việc làm và khả năng thăng tiến

Cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành **quản trị chuỗi cung ứng** có cơ hội việc làm ở mọi loại hình doanh nghiệp, thuộc mọi lĩnh vực kinh doanh, mọi quy mô, đặc biệt là tại những tập đoàn đa quốc gia, trong những tổng công ty lớn nơi có mạng lưới kinh doanh phức tạp. Cụ thể:

Ngay sau khi ra trường, **trong vòng từ 0-4 năm**, cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành quản trị chuỗi cung ứng có thể làm việc như:

- *Nhân viên phân tích, hoạch định nhu cầu*
- *Nhân viên hoạch định sản xuất*
- *Nhân viên thu mua/quản trị nguyên vật liệu*
- *Nhân viên/nhà quản trị tồn kho*
- *Nhân viên/nhà quản trị kho bãi, vận tải, phân phối*
- *Chuyên viên tư vấn và phân tích chuỗi cung ứng*

Sau 5-10 năm, cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành quản trị chuỗi cung ứng có thể thăng tiến lên vị trí:

- *Nhà quản trị cung ứng*
- *Nhà quản trị logistic*
- *Nhà quản trị dự án*
- *Nhà quản trị thông tin trên chuỗi*
- *Giám đốc sản xuất*
- *Giám đốc vận tải*
- *Quản lý vùng*

Và đỉnh cao nghề nghiệp của một cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành **quản trị chuỗi cung ứng** có thể thăng tiến lên vị trí **Phó tổng giám đốc phụ trách cung ứng/hậu cần**.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Qui trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Học phần chung toàn Trường

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	LAW1001	Pháp luật đại cương	2
06	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
07	ENG1001	Tiếng Anh đại cương 1 (A2.1)	3
08	ENG2001	Tiếng Anh đại cương 2 (A2.2)	4
09	MIS1001	Tin học văn phòng	3
10	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3
11	MGT1001	Kinh tế vi mô	3
12	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
13	MGT1002	Quản trị học	3
		Tổng	37
14		Giáo dục thể chất	5
15		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

7.2. Học phần chung khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
16	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3
17	MKT2001	Marketing căn bản	3
18	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3
19	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
20	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3
21	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3
22	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3
23	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
24	LAW2001	Luật kinh doanh	3
25	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	3
		Tổng	30

7.3. Học phần chung của ngành

7.3.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	MKT3001	Quản trị marketing	3
27	MGT3001	Quản trị chiến lược	3
28	MGT3003	Quản trị sản xuất	3
29	HRM3001	Quản trị nguồn nhân lực	3
30	FIN3006	Quản trị tài chính	3
		Tổng	15

7.3.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
31	LAW3001	Luật thương mại quốc tế	3
32	MKT3006	Truyền thông marketing	3
33	HRM3002	Phát triển kỹ năng quản trị	3
34	MGT3008	Quản trị công nghệ và đổi mới	3
35	IBS3007	Quản trị đa văn hóa	3
36	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng	3

7.4. Học phần chuyên ngành

7.4.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
37	MKT3009	Kênh marketing	3
38	MGT3002	Quản trị chuỗi cung ứng	3
39	MGT3006	Vận trù học	3
40	MGT3007	Logistic	3
41	MGT3009	Quản trị mua sắm	3
42	MGT3195	Đề án chuỗi cung ứng	2
		Tổng	17

7.4.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
43	MGT3005	Quản trị chất lượng toàn diện	3
44	HRM3005	Thương lượng	3
45	ACC2002	Kế toán quản trị	3
46	IBS2003	Giao dịch thương mại quốc tế	3
47	IBS3014	Vận tải đa phương thức	3
48	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
49	Sinh viên tham quan doanh nghiệp nhằm tiếp cận thực tiễn hoạt động kinh doanh. Sinh viên tham gia giao lưu và chia sẻ kinh nghiệm của các nhà quản trị thông qua các báo cáo chuyên đề.	2 tuần

7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		Hình thức 1	
50	MGT4003	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
51		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6

		Hình thức 2	
52	MGT4004	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

8. **Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
9. **Lộ trình học** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
10. **Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo** (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	US: Michigan University	
2	Massachusetts Institute of Technology (ranked no.2)	
3	Arizona State University (ranked no.3)	
4	Bellevue University	
5	College of business at Illinois	
6	The University of Texas at Austin	
7	Germany: Kühne Logistics University	

HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Đã ký tên và đóng dấu)
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn